TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/DS-PT
Ngày 29-5-2025
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp.

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Thuỳ Linh

Ông Nguyễn Quang Kiên

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 53/2025/QĐPT-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị V, sinh năm 1955; nơi cư trú: Khu 3, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Lê Văn T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Chăm, sinh năm 1963, cùng nơi cư trú: Khu 3, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người đại diện của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Chăm: Anh Lê Văn Tâm, sinh năm 1988, nơi cư trú: Khu 3, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo uỷ quyền (giấy ủy quyền ngày 05 tháng 5 năm 2025), có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị Liên, sinh năm 1963; nơi cư trú: Khu 3, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, có mặt;

- Bà Lê Thị Hồng, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn Lật Khê, xã Quang Phục (nay là xã Tân Minh), huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, có mặt;

- Bà Lê Thị Huệ, sinh năm 1974; nơi cư trú: Khu 2, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, có mặt;

- Bà Lê Thị Nhũ, sinh năm 1945, nơi cư trú: Khu 3, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người đại diện của bà Lê Thị Nhũ: Anh Lê Văn Tâm, nơi cư trú: Khu 3, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo uỷ quyền (giấy uỷ quyền ngày 05 tháng 5 năm 2025), có mặt.

- Anh Lê Văn Chuẩn, sinh năm 1990, có mặt.

- Anh Lê Văn Tâm, sinh năm 1988, có mặt;

- Ông Lê Quyết Thắng, sinh năm 1964, có mặt;

- Bà Nguyễn Thị Nhớ, sinh năm 1967, vắng mặt;

Cùng nơi cư trú: Khu 3, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- *Người kháng cáo*:

1. Ông Lê Văn T là bị đơn;

2. Bà Lê Thị Nhũ và anh Lê Văn Tâm là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị V trình bày:

Bố mẹ đẻ bà Lê Thị V là cụ Lê Văn Thục, sinh năm 1932 và cụ Trần Thị Nhĩ, sinh năm 1929, sinh được 05 người con, gồm: Bà Lê Thị V, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Liên, bà Lê Thị Hồng và bà Lê Thị Huệ. Hai cụ không có con riêng, con nuôi.

Năm 1998, cụ Thục chết, năm 2019 cụ Nhĩ chết, đều không để lại di chúc. Khi còn sống các cụ đã tạo dựng được khối tài sản chung là quyền sử dụng diện tích đất ở 500m^2, tại thôn Trung Lăng, xã Minh Đức (nay là khu 3, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng) và tài sản gắn liền với đất gồm 01 ngôi nhà cấp 4. Chị em bà V sinh sống cùng bố mẹ ở diện tích đất trên đến khi xây dựng gia đình riêng.

Năm 1978, bà V lấy chồng và sinh sống tại nhà chồng ở khu 3, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng. Năm 1983, vợ chồng bà V được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Tiên Lãng cấp cho 339m^2 đất tại khu 3, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng (diện tích đất này giáp mặt đường 354, đối diện với kho lương thực huyện Tiên Lãng). Do không có nhu cầu sử dụng đất ở vị trí mặt đường nên vợ chồng bà V đã thỏa thuận đổi đất với cụ Thục, cụ Nhĩ, theo đó vợ chồng bà V vào ở trên diện tích đất 500m^2 của cụ Thục, cụ Nhĩ, còn hai cụ cùng các em của bà V ra ở trên diện tích đất 339m^2 mà vợ chồng bà V được cấp.

Đầu năm 1984, cụ Thục, cụ Nhĩ cùng các con đã ra sinh sống trên thửa đất đổi được của vợ chồng bà V và xây dựng 02 ngôi nhà cấp 4, lợp ngói, mỗi ngôi nhà diện tích khoảng 50m^2, vợ chồng bà V cũng vào thửa đất của hai cụ ở từ đó đến nay.

Năm 1985, ông T kết hôn với bà Nguyễn Thị Chăm, sinh sống cùng bố mẹ và các em trên diện tích đất 339m^2. Năm 1987, bà Liên lấy chồng; năm 1990 bà Hồng lấy chồng và sinh sống ở nơi khác.

Năm 1994 cụ Thục, cụ Nhĩ tiếp tục xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 lợp ngói, diện tích khoảng 50m^2. Năm 1996, bà Huệ kết hôn và sinh sống ở nhà chồng, lúc này trên thửa đất chỉ còn cụ Thục, cụ Nhĩ và vợ chồng ông T sinh sống.

Căn cứ tài liệu về nguồn gốc đất do UBND thị trấn Tiên Lãng cung cấp thì diện tích đất 339m^2 của cụ Thục, cụ Nhĩ thể hiện như sau: Tại Sổ mục kê lập năm 1995, diện tích đất trên thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 19, diện tích 431m^2, chủ sử dụng đất là Lê Văn Thục. Theo Tờ bản đồ địa chính số 29 lập năm 1998, thửa đất trên thuộc thửa đất số 03, diện tích đất 339,2m^2, chủ sử dụng đất là Trần Thị Nhĩ. Ngày 01 tháng 6 năm 2009, UBND huyện Tiên Lãng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AO 555222, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03773, thửa đất số 03, tờ bản đồ số 29, địa chỉ thửa đất tại khu 3 thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, diện tích 339m^2, chủ sử dụng đất là bà Trần Thị Nhĩ.

Ngoài các di sản nêu trên, cụ Thục, cụ Nhĩ không để lại di sản nào khác, hai cụ cũng không để lại nghĩa vụ gì về tài sản.

Do bà Huệ không có chỗ ở nên tháng 7 năm 2023, chị em bà V có đề nghị vợ chồng ông T, bà Chăm trích một phần diện tích đất của bố mẹ để lại cho bà Huệ làm nhà ở, nhưng ông T, bà Chăm không đồng ý. Do đó, chị em bà V làm đơn đề nghị UBND thị trấn Tiên Lãng hòa giải, UBND thị trấn Tiên Lãng đã tổ chức hòa giải nhưng không thành.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà được biết gia đình ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Chăm có giao nộp cho Tòa án 01 bản di chúc của cụ Trần Thị Nhĩ đề ngày 26 tháng 3 năm 2012, có chứng thực của UBND thị trấn Tiên Lãng. Theo nội dung di chúc này thì cụ Nhĩ chia diện tích đất 339m^2 nêu trên làm 02 phần, gồm: Phần đất thứ nhất rộng 8,46m, dài 18m, diện tích là 152,28m^2, trong đó phía Đông giáp đường ra cánh đồng của Đội 5, phía Tây giáp đất hộ ông Lê Quyết Thắng, phía Nam giáp đường 354, phía Bắc giáp phần đất thứ 2. Phần đất thứ hai (phần đất này có nhà ở) rộng 11,99m, dài 15,96m, diện tích là 186,72m^2, trong đó phía Đông giáp đường ra cánh đồng Đội 5, phía Tây giáp đất hộ ông Lê Quyết Thắng, phía Bắc giáp mương nước Đội 5, phía Nam giáp phần đất thứ nhất. Cụ Nhĩ để lại phần đất thứ nhất cho các anh Lê Văn Chuẩn, Lê Văn Tâm (là con ông T, bà Chăm), trong đó: Anh Lê Văn Chuẩn ở nửa phía Tây; anh Lê Văn Tâm ở nửa phía Đông, phần này không có tài sản, nhà ở, chỉ có lán tạm. Phần đất thứ hai là phần đất thuộc quyền thừa kế của cụ Lê Văn Thục, thì cụ Nhĩ xác định trong di chúc là có căn nhà cấp 4 đang ở làm nơi thờ cúng, đồng thời là phần của cụ Thục và các đồng thừa kế khác; trước mắt do cụ Nhĩ và người em gái của cụ Thục (bà Lê Thị Nhũ) ở, sau này có vấn đề gì thì được phân chia theo pháp luật. Việc cụ Nhĩ để thừa kế cho anh Tâm, anh Chuẩn phần tài sản của cụ Nhĩ, bà V đồng ý. Tuy nhiên, việc cụ Nhĩ chia diện tích

đất 339m^2 làm 02 phần và cụ Nhĩ nhận phần đất thứ nhất là của cụ như nêu trên, chị em bà không đồng ý, vì phần đất thứ nhất giáp mặt đường 354 có giá trị hơn nhiều so với phần đất thứ 2. Việc cụ Nhĩ phân chia đất như vậy khi cụ Thục đã chết, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị em bà. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án xem xét lại nội dung này của di chúc theo pháp luật.

Về kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà V đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 339m^2. Về giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Hội đồng định giá tài sản đã xác định: Giá trị đất phía giáp mặt đường 354 là 152,78m^2 x 45.000.000 đồng/m^2; giá trị phần đất còn lại là 186,22m^2 x 27.000.000 đồng/m^2; giá trị các tài sản, công trình gắn liền với đất là 787.908.597 đồng, bà không có ý kiến gì.

Nay, bà V yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Thục, cụ Nhĩ để lại là quyền sử dụng diện tích đất 339m^2, thửa đất số 03, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: Khu 3 thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật. Các tài sản gắn liền với đất do cụ Nhĩ, cụ Thục để lại gồm 03 ngôi nhà cấp 4, 01 bếp, 01 bể nước và tường bao; còn các công trình xây dựng khác là của ông T, bà Chăm xây dựng. Giả sử khi Tòa án xem xét di chúc ngày 26 tháng 3 năm 2012 của cụ Nhĩ là hợp pháp thì phần di sản của cụ Thục, bà đề nghị Tòa án chia theo pháp luật; phần di sản bà V được hưởng bà cho bà Huệ.

Bị đơn là ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Chăm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Lê Văn Tâm, anh Lê Văn Chuẩn không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 31 tháng 7 năm 2024, ông T, bà Chăm yêu cầu Tòa án giải quyết theo di chúc của cụ Trần Thị Nhĩ; tại các đơn đề nghị hoãn phiên tòa ngày 18 tháng 12 năm 2024, ngày 08 tháng 01 năm 2025, ông T, bà Chăm cho rằng, vì cụ Trần Thị Nhĩ đã để lại di chúc. Khi cụ Lê Văn Thục mất được hơn mười năm mới làm bìa đỏ và bìa đỏ mang tên cụ Nhĩ. Vì vậy, đất ở là tài sản riêng của cụ Nhĩ, cụ Nhĩ không định đoạt cho các đồng thừa kế khác, nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là không có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Các bà Lê Thị Huệ, Lê Thị Liên, Lê Thị Hồng nhất trí với yêu cầu của bà V trình bày như nêu trên; bà Liên, bà Hồng cũng nhường phần di sản được hưởng cho bà Huệ.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 31 tháng 7 năm 2024, bà Lê Thị Nhũ trình bày:

Bà Lê Thị Nhũ là em ruột cụ Lê Văn Thục; khi còn nhỏ bà ở với bố mẹ, khi bố mẹ chết thì bà ở với vợ chồng cụ Thục, cụ Nhĩ tại diện tích đất 339m^2, ở khu 3, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng. Năm 1966, bà đi công nhân đến năm 1985 bà nghỉ chế độ mất sức và về ở với cụ Thục, cụ Nhĩ. Diện tích đất ở 339m^2 nêu trên là của vợ chồng cụ Thục, cụ Nhĩ sử dụng từ năm 1983; trước đây là vùng đất trũng, do cụ Thục, cụ Nhĩ dâng lập nhiều năm mới được mặt bằng như hiện nay. Trong quá trình cụ Thục, cụ Nhĩ xây dựng nhà ở, bà Nhũ cũng có công sức lao động. Năm 1998, cụ Thục chết không để lại di chúc. Năm 2019, cụ Nhĩ chết, có để lại di chúc, trong đó cụ Nhĩ cho hai cháu Tâm, Chuẩn một phần đất ở; còn lại phần đất có nhà

cấp 4 (giáp kênh xây) để cụ Nhĩ và bà ở đến khi chết, sau này làm nơi thờ cúng. Nay, bà V yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Thục, cụ Nhĩ để lại; bà đề nghị Tòa án xem xét di chúc của cụ Nhĩ, phần đất có nhà cấp 4 để bà ở đến lúc chết, sau này làm nơi thờ cúng; còn phần đất còn lại chia cho hai cháu Tâm, Chuẩn. Bà Nhũ không yêu cầu Tòa án xem xét công quản lý di sản của bà đối với di sản của cụ Nhĩ, cụ Thục.

Tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 31 tháng 10 năm 2024, anh Lê Văn Tâm không có ý kiến gì về kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Anh Tâm không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà V, bà Liên, bà Hồng, bà Huệ; anh Tâm đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Nhĩ, cụ Thục để lại theo di chúc ngày 26 tháng 3 năm 2012 của cụ Nhĩ mà anh đã giao nộp cho Tòa án. Nếu Tòa án xem xét chia di sản thừa kế của cụ Nhĩ, cụ Thục để lại theo pháp luật thì anh đề nghị Tòa án xem xét công sức quản lý, tôn tạo di sản của bố mẹ anh (ông T, bà Chăm) theo pháp luật, vì bố mẹ anh là người quản lý di sản sau khi cụ Thục, cụ Nhĩ chết.

Vợ chồng ông Lê Quyết Thắng, bà Nguyễn Thị Nhớ thống nhất trình bày: Việc giải quyết vụ án có liên quan đến diện tích đất của gia đình ông Thắng, bà Nhớ, vì một phần tường nhà cấp 4, bể nước của gia đình ông T, bà Chăm xây dựng có lấn sang đất của gia đình ông (theo sơ đồ ghép thửa) là 3,26m^2. Trước khi cấp GCNQSDĐ (lúc đó cụ Nhĩ còn sống) hai bên đã ký giáp ranh và thống nhất khi nào gia đình ông T, bà Chăm xây dựng lại nhà thì gia đình ông T, bà Chăm phá dỡ phần công trình xây dựng lấn sang đất của gia đình ông bà. Ông bà đề nghị Tòa án khi giải quyết vụ án, xem xét công nhận diện tích đất theo GCNQSDĐ của hai bên, theo đó diện tích đất của gia đình ông bà là 204m^2, của gia đình cụ Nhĩ, cụ Thục là 339m^2. Ông bà và gia đình ông T, bà Chăm sẽ thỏa thuận tháo dỡ phần công trình xây dựng trên phần đất 3,26m^2 nêu trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lê Thị V, bà Lê Thị Hồng, bà Lê Thị Liên, bà Lê Thị Huệ đồng ý với nội dung di chúc ngày 26 tháng 3 năm 2012 về việc cụ Nhĩ để lại phần di sản của cụ Nhĩ cho anh Lê Văn Tâm, anh Lê Văn Chuẩn; các bà giữ nguyên yêu cầu Tòa án xem xét lại việc cụ Nhĩ tự ý chia đất ở làm hai phần, vì ảnh hưởng đến quyền lợi của những người thừa kế khác. Đối với di sản của cụ Thục, phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia theo luật, chấp nhận yêu cầu của chị em các bà tại đơn đề nghị ngày 18 tháng 12 năm 2024, cụ thể như sau: Do bà V, bà Liên, bà Hồng đều đã có chỗ ở, riêng bà Huệ chưa có chỗ ở, hiện phải đi thuê nhà. Căn cứ hiện trạng và công trình xây dựng trên đất, để đảm bảo giá trị đất ở và tài sản gắn liền với đất sau khi chia. Các bà đề nghị Tòa án chia cho bà Huệ 01 phần đất ở khoảng 60m^2 để làm nhà, phần đất này có bếp, bể nước, sân bê tông, cổng, 01 phần tường bao; nếu phần tường bếp sang phần đất còn lại thì bà Huệ có trách nhiệm phá dỡ đi, vì thực tế bếp hiện nay đã xuống cấp, giá trị sử dụng trên thực tế không đáng kể. Giả sử Tòa án chấp nhận di chúc của cụ Nhĩ thì cháu Tâm, cháu Chuẩn (con ông T) được hưởng ½ giá trị tài sản chung của bố mẹ các bà để lại là: 6.141.309.000 đồng (12.282.619.000 đồng/2). Còn phần di sản của cụ Thục được chia theo luật, nếu tính công sức cho ông T, bà Chăm thì chia làm 07 suất, mỗi suất được hưởng 877.329.000 đồng (6.141.309.000 đồng/7). Tuy nhiên, chị em các bà thống nhất cho bà Huệ nên bà Huệ được hưởng 04 suất trị giá là 3.509.316.000 đồng. Nếu bà Huệ

được chia 60m^2 đất ở và các tài sản gắn liền với phần đất ở được chia gồm: bếp, bể nước, sân, cổng, tường bao, thì tổng giá trị khoảng 1.974.645.000 đồng. Do đó, số tiền chênh lệch, ông T phải thanh toán trả chị em các bà là 3.509.316.000 đồng - 1.974.645.000 đồng = 1.534.671.000 đồng. Tuy nhiên, do là anh chị em trong gia đình, ông T lại đang ốm đau nên các bà thống nhất không yêu cầu ông T phải thanh toán số tiền này.

Tại Bản án số 01/2025/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn Thục theo pháp luật, chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị Nhĩ theo di chúc, đối với quyền sử dụng 339,0m^2 đất ở và tài sản gắn liền với đất (tại địa chỉ: Khu 3, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng), cụ thể như sau:

Chia cho ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Chăm được sử dụng, sở hữu 134,53m^2 đất ở (S1), gồm các mốc 6, 7, 8, 9, 6 và tài sản gắn liền với phần đất được chia gồm: 01 (một) ngôi nhà cấp 4 (giáp đường 354), 01 (một) ngôi nhà cấp 4 (ở giữa đất) và 01 (một) phần tường bao.

Chia cho bà Lê Thị Huệ được sở hữu, sử dụng 60,0m^2 đất ở (S2), gồm các mốc 5, 6, 9, 10, 5 và tài sản gắn liền với phần đất được chia, gồm: 01 (một) bếp, 01 (một) bể nước, sân BTCĐ, 01 (một) cổng và 01 (một) phần tường bao.

Bà Lê Thị Huệ phải có trách nhiệm tháo dỡ phần bếp để trả lại phần đất được chia cho anh Lê Văn Tâm, anh Lê Văn Chuẩn.

Chia cho anh Lê Văn Tâm, anh Lê Văn Chuẩn được sử dụng, sở hữu 144,47m^2 đất ở (S3), gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 10, 1 và tài sản gắn liền với phần đất được chia, gồm: 01 (một) ngôi nhà cấp 4, 01 (một) lán tôn, 01 (một) nhà tắm, nhà vệ sinh, 01 (một) nhà kho và 01 (một) chuồng gà.

(Diện tích đất phân chia cho các đương sự như nêu trên, có sơ đồ kèm theo).

2. Các đương sự được phân chia đất ở có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05 tháng 02 năm 2025, Toà án nhân dân huyên Tiên Lãng ban hành Quyết định sửa chữa, bổ dung bản án sơ thẩm số 01/2025/QĐ-SCBSBA về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 04 tháng 02 năm 2025, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Nhũ, anh Lê Văn Tâm kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Lý do kháng cáo:

1. Quan điểm của ông Lê Văn T:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Uỷ ban nhân dân huyện Tiên Lãng

cấp từ năm 2012 đứng tên một mình cụ Trần Thị Nhĩ đến khi cụ Nhĩ chết năm 2019 với diện tích 339m^2, nên đây là tài sản riêng của cụ Nhĩ vì cụ Lê Văn Thục chết hơn chục năm thì cụ Nhĩ mới làm bìa đỏ.

Việc phân chia di sản thừa kế phải căn cứ vào di chúc của cụ Nhĩ là phần đất mặt đường giao cho cháu nội là Lê Văn Tâm và Lê Văn Chuẩn. Phần đất còn lại giao cho bà Lê Thị Nhũ (là em gái của cụ Lê Văn Thục) sinh sống làm nơi thờ cúng chung cho toàn thể các con cháu.

Bản án sơ thẩm nhận định di sản của Thục và cụ Nhĩ được xác định bằng nhau là không hợp lý vì cụ Thục chết trước cụ Nhĩ 21 năm, vì vậy công sức giữ gìn, tôn tạo của cụ Nhĩ phải nhiều hơn cụ Thục và cần tính cho cụ Nhĩ 06 phần, cụ Thục 04 phần mới hợp lý.

Khi cụ Nhĩ còn sống có ý định bán một phần mảnh đất giáp đường 354 để dưỡng già, vợ chồng ông T đã vay mượn cùng với số tiền của anh Lê Văn Tâm đi làm ăn xa có được, đưa cho cụ Nhĩ 120.000.000 đồng để cụ đồng ý để lại mảnh đất cho anh Lê Văn Tâm và Lê Văn Chuẩn. Tại giai đoạn phúc thẩm, mong toà án xem xét toàn diện nội dung này.

Tại bản án đã phân chia cho nguyên đơn diện tích đất ở giữa phần đất của vợ chồng ông T và anh Lê Văn Chuẩn, Lê Văn Tâm trong khi hai gia đình đang có mâu thuẫn trầm trọng, kiện nhau ra toà là không hợp lý.

Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng không giải thích và hướng dẫn về đơn miễn án phí cho người cao tuổi. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét miễn án phí cho ông Lê Văn T và vợ là bà Nguyễn Thị Chăm.

2. Quan điểm của bà Lê Thị Nhũ:

Bà Nhũ sinh sống tại thửa đất cùng anh trai là Lê Văn Thục và chị dâu Trần Thị Nhĩ gần 40 năm vẫn ở tại mảnh đất này đã có công đóng góp nhất định trong việc tôn tạo, giữ gìn mảnh đất và các tài sản khác, bà Nhũ đã tham gia đóng góp kinh phí để hoàn thiện bìa đỏ. Nhưng bản án sơ thẩm nhận định … "bà Nhũ đã già yếu không yêu cầu tính công sức quản lý, tôn tạo di sản…", là không cho bà quyền lợi gì về mảnh đất này vì hiện nay bà không còn nơi ở nào khác.

Bà Nhũ yêu cầu sửa bản án theo hướng để lại một phần thửa đất làm nơi thờ cúng và bà Nhũ sẽ ở lại phần đất này đến chết. Phần đất làm nơi thờ cúng sát phần đất mà di chúc của cụ Trần Thị Nhĩ để lại cho hai cháu trai phần giáp mặt đường 354.

3. Quan điểm của anh Lê Văn Tâm:

Di chúc của cụ Trần Thị Nhĩ là hợp pháp. Việc phân chia mảnh đất cần dựa theo di chúc nhưng bản án sơ thẩm tuyên đổi vị trí thửa đất mà ý nguyện của cụ Nhĩ để lại là không đúng, làm thiệt hại đến quyền lợi của anh Chuẩn và anh Tâm về vị trí và giá trị thửa đất.

Bản án sơ thẩm tuyên anh Tâm và anh Chuẩn phải chịu án phí 114.141.000 đồng trong khi các anh không có tranh chấp về thừa kế, bản án ghi nhận di chúc cụ Nhĩ cho anh Chuẩn, anh Tâm có hiệu lực, chỉ đổi vị trí. Anh Chuẩn đã gửi tiền cùng

bố mẹ đưa cụ Nhĩ 120.000.000 đồng để cụ Nhĩ đồng ý để lại mảnh đất này cho anh Chuẩn và anh Tâm. Nên anh Chuẩn và anh Tâm không phải chịu án phí.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên toà, các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án:

Theo bản án sơ thẩm, các đương sự đồng ý về diện tích được phân chia. Về vị trí đất (theo bản án sơ thẩm), các đương sự thống nhất thay đổi theo thực tế được cấp phúc thẩm đo đạc lại như sau:

Vị trí đất S3, bản án sơ thẩm giao cho anh Lê Văn Tâm và Lê Văn Chuẩn, nay thay đổi thành giao 60m^2 giao cho bà Lê Thị Huệ, (có các mốc giới: 1-2-8-9-10-11-1) cùng các tài sản gắn liền với diện tích đất được phân chia.

Nếu diện tích được chia vào phần nhà bà Lê Thị Nhũ đang ở thì không yêu cầu bồi thường và đồng ý tự tháo dỡ.

Về vị trí đất S1, bản án sơ thẩm giao ông Lê Văn T bà Nguyễn Thị Chăm, đổi thành giao cho anh Lê Văn Tâm và Lê Văn Chuẩn, diện tích 144,5m^2, (có các mốc giới 4-5-6-7-4) cùng các tài sản gắn liền với diện tích đất được phân chia.

Về vị trí đất S2, bản án sơ thẩm giao cho bà Lê Thị Huệ, đổi thành giao cho ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Chăm, diện tích 134,5m^2 (có các mốc giới 2-3-4-7-8-2) cùng các tài sản gắn liền với diện tích đất được phân chia.

Tài sản trên đất chia cho ai thì người đó được hưởng, các đương sự không yêu cầu về giá trị đất và tài sản trên đất.

Ông Lê Văn T giữ yêu cầu kháng cáo về án phí: Do ông T bà Chăm là người cao tuổi, đề nghị Toà án phúc thẩm xem xét miễn án phí sơ thẩm cho ông bà.

Ông Lê Văn T, bà Lê Thị Nhũ, anh Lê Văn Tâm rút các nội dung kháng cáo còn lại.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn T về phần án phí. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn T về xác định di sản thừa kế, về vị trí đất được phân chia và việc xem xét nơi thờ cúng, nơi ở cho bà Lê Thị Nhũ.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Nhũ và anh Lê Văn Tâm.

Sửa Bản án sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng: Miễn án phí cho ông T và bà Chăm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Chăm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Nhũ vắng mặt nhưng đã có mặt người đại diện hợp pháp, bà Nguyễn Thị Nhớ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ ba. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo về nội dung thay đổi vị trí đất được phân chia: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự đồng ý về diện tích được phân chia theo quyết định của bản án sơ thẩm. Nhưng về vị trí đất được phân chia, thống nhất thay đổi lại vị trí như sau:

[2.1] Vị trí đất S3, bản án sơ thẩm giao cho anh Lê Văn Tâm và Lê Văn Chuẩn, nay thay đổi thành 60m^2 đất giao cho bà Lê Thị Huệ, có các mốc giới 1-2-8-9-10-11-1 cùng các tài sản gắn liền với diện tích đất được phân chia, bao gồm: 01 nhà cấp 4 (giáp đường 354), 01 nhà cấp 4 (ở giữa đất), một phần tường bao, một phần bể nước (2m^2). Nếu diện tích được chia vào phần nhà bà Lê Thị Nhũ đang ở thì không yêu cầu bồi thường và đồng ý tự tháo dỡ.

[2.2] Về vị trí đất S1, bản án sơ thẩm giao ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Chăm, đổi thành giao cho anh Lê Văn Tâm và Lê Văn Chuẩn, diện tích 144,5m^2 có các mốc giới 4-5-6-7-4 cùng các tài sản gắn liền với diện tích đất được phân chia, bao gồm: 01 nhà cấp 4 (do bà Nhũ đang sử dụng), bếp, một phần bể nước (1,6m^2), sân BTCĐ, cổng, một phần tường bao, một phần nhà tắm, nhà kho.

[2.3] Về vị trí đất S2, bản án sơ thẩm giao cho bà Lê Thị Huệ, đổi thành giao cho ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Chăm, diện tích 134,5m^2, có các mốc giới 2-3-4-7-8-2 cùng các tài sản gắn liền với diện tích đất được phân chia, bao gồm: một phần nhà cấp 4 (3,9m^2), một phần nhà tắm, chuồng gà, lán tôn.

[2.4] Tài sản trên đất chia cho ai thì người đó được hưởng theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, các đương sự không yêu cầu thanh toán số tiền chênh lệch về giá trị đất và tài sản trên đất.

[3] Xét thấy, thoả thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

[4] Xét kháng cáo của ông Lê Văn T về nội dung ông T và bà Chăm là người cao tuổi đề nghị Toà án phúc thẩm xem xét lại về phần án phí sơ thẩm, miễn án phí cho ông bà: Ông Lê Văn T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Chăm, sinh năm 1963, tại thời điểm xét xử sơ thẩm, ông T và bà Chăm được xác định là người cao tuổi. Sau khi kháng cáo, ông T có đơn đề nghị được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Căn cứ vào Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông T và bà Chăm.

[5] Các yêu cầu kháng cáo còn lại, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Nhũ, anh Lê Văn Tâm đã rút toàn bộ nên cấp phúc thẩm đình chỉ các nội dung này.

[6] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn T, bà Lê Thị Nhũ, anh Lê Văn Tâm, sửa bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí:

[7.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Mặc dù diện tích đất được chia của các đương sự không thay đổi nhưng có thay đổi về vị trí được phân chia nên giá trị quyền sử dụng đất được hưởng có sự thay đổi, và các đương sự không yêu cầu phải trả cho nhau giá trị di sản được hưởng chênh lệch nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau:

Anh Lê Văn Tâm và anh Lê Văn Chuẩn được chia phần di sản gồm: Quyền sử dụng 144,5m^2 đất giáp mặt đường có giá trị: 45.000.000 đồng/m^2 x 144,5m^2 = 6.502.500.000 đồng và các tài sản gắn liền với đất gồm: 01 nhà cấp 4 (giáp đường 354) trị giá 85.800.391 đồng, 01 ngôi nhà cấp 4 ở giữa đất trị giá 180.282.418 đồng và 01 phần tường bao trị giá 4.695.000 đồng; 01 phần bể nước trị giá: 1.364.708 đồng. Tổng giá trị là: 6.774.642.517 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm phải chịu là: 112.000.000đ + 0,1% x 2.773.277.809đ = 114.774.642 đồng.

Bà Lê Thị Huệ được chia phần di sản gồm: Quyền sử dụng diện tích 60m^2 đất phía sau có giá trị: 27.000.000 đồng/m^2 x 60m^2 = 1.620.000.000 đồng và các tài sản gắn liền với đất gồm: 01 nhà tắm trị giá 6.173.174 đồng; một phần nhà thờ (3,9m^2/34,32m^2) trị giá 10.133.561 đồng; chuồng gà trị giá 6.214.756 đồng, 01 lán tôn mạ màu, nền BTCĐ trị giá 3.835.165 đồng. Tuy nhiên, nhà tắm, chuồng gà, lán tôn là các tài sản do ông T, bà Chăm xây dựng, không yêu cầu thanh toán giá trị tài sản, vì vậy bà Huệ được sử dụng các tài sản này mà không phải chịu án phí. Tổng giá trị bà Huệ phải chịu án phí là: 1.620.000.000đ + 10.133.561đ = 1.630.133.561 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm phải chịu là: 36.000.000đ + 3% x (1.636. 133.561đ - 800.000.000đ) = 60.904.007 đồng. Ngoài ra các bà V, Liên, Hồng, Huệ phải chịu án phí đối với công sức bảo quản di sản của bà Nguyễn Thị Chăm đối với di sản của cụ Thục trị giá 877.330.000 đồng : 2 = 438.665.000 đồng. Do các bà V, Liên, là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí. Bà Huệ, bà Hồng phải chịu án phí đối với phần này là: (20.000.000đ + 4% x 38.665.000đ): 5 = 4.309.320 đồng. Tổng số tiền án phí dân sự bà Huệ phải chịu là: 60.904.007đ + 4.309.320 đ = 65.213.327 đồng.

Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Chăm được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[7.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Lê Văn T được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do bản án sơ thẩm bị sửa nên anh Lê Văn Tâm không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 296, Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn T về án phí sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận của các đương sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn Thục theo pháp luật, chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị Nhĩ theo di chúc, đối với quyền sử dụng 339,0m^2 đất ở và tài sản gắn liền với đất (tại địa chỉ: Khu 3, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng), cụ thể như sau:

1.1.1. Anh Lê Văn Tâm, anh Lê Văn Chuẩn được quản lý, sử dụng 144,5m^2 đất ở (S1), gồm các mốc 4-5-6-7-4 và tài sản gắn liền với phần đất được chia gồm: 01 (một) ngôi nhà cấp 4 (giáp đường 354), 01 (một) ngôi nhà cấp 4 (ở giữa đất, nhà ngang) và 01 (một) phần tường bao và một phần bể nước 02m^2.

1.1.2. Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Chăm được quản lý, sử dụng 134,5m^2 đất ở (S2), gồm các mốc 2-3-4-7-8-2 và tài sản gắn liền với phần đất được chia, gồm: 47,2m^2 đất nhà thờ (hiện là ngôi nhà bà Lê Thị Nhũ đang ở), một phần diện tích nhà tắm + nhà vệ sinh là 2,3m^2, một bếp, một phần bể nước là 1,6m^2, sân BTCĐ, 01 (một) cổng và 01 (một) phần tường bao, nhà kho.

1.1.3. Bà Lê Thị Huệ được quản lý, sử dụng 60,0m^2 đất ở (S3), gồm các mốc 1-2-8-9-10-11-1 và tài sản gắn liền với phần đất được chia, gồm: 3,4m^2 đất của nhà thờ (hiện là ngôi nhà bà Lê Thị Nhũ đang ở), một phần diện tích nhà tắm + nhà vệ sinh là 4,3m^2, một lán tôn, một chuồng gà.

1.1.4. Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Chăm phải tự tháo dỡ 3,4m^2 đất của nhà thờ (hiện là ngôi nhà bà Lê Thị Nhũ đang ở, có số đo các cạnh kèm theo sơ đồ) để trả lại mặt bằng cho bà Lê Thị Huệ.

(Diện tích đất phân chia cho các đương sự như nêu trên, có sơ đồ kèm theo).

1.2. Các đương sự không phải thanh toán giá trị đất và tài sản trên đất cho nhau.

1.3. Các đương sự được phân chia đất ở, có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn T, yêu cầu kháng cáo của cụ Lê Thị Nhũ, anh Lê Văn Tâm về nội dung: Xác định công sức bảo quản di sản của cụ Trần Thị Nhĩ và cụ Lê Thị Nhũ; xem xét lại án phí dân sự sơ thẩm đối với anh Lê Văn Tâm và anh Lê Văn Chuẩn; để lại một phần thửa đất làm nơi thờ cúng cho cụ Lê Thị Nhũ và cụ Lê Thị Nhũ sẽ ở lại phần đất này đến chết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Huệ phải chịu 65.213.327 (sáu mươi lăm triệu hai trăm mười ba nghìn ba trăm hai mươi bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Lê Thị Hồng phải chịu 4.309.320 (bốn triệu ba trăm linh chín nghìn ba trăm hai mươi) đồng

Anh Lê Văn Tâm, anh Lê Văn Chuẩn phải chịu 114.774.642 đồng (một trăm mười bốn triệu bảy trăm bảy mươi tư nghìn sáu trăm bốn mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị V, bà Lê Thị Liên, ông Lê Văn T. Bà Nguyễn Thị Chăm không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại anh Lê Văn Tâm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009199 ngày 04 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp